

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày: 20 /6/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Ngô Quang Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lại

Ông Giáp Huy Tường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2022/TLST-HS ngày 30/5/2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HS ngày 06/6/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn B**, sinh năm 1988 tại xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Trương Công T (đã chết) và con bà Phạm Tiến M; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/02/2022 đến ngày 18/02/2022; hiện tại ngoại (có mặt).

**- Bị hại:** Chị Đinh Thị M- sinh năm 1991 và anh Hoàng Hữu M- sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**- Người làm chứng:** Anh La Văn S- sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn B- sinh năm 1988, trú tại thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang làm công nhân tại Công ty TNHH L thuộc khu Công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. B có thuê phòng trọ tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Do có nhu cầu rút tiền mặt để sử dụng chi tiêu cá nhân, khoảng 19 giờ 20 phút ngày 13/02/2022, B đi đến cửa hàng tạp hóa của anh Hoàng Hữu M- sinh năm 1981 và chị Đinh Thị M- sinh năm 1991 ở thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang là nơi có mở dịch vụ rút tiền mặt để rút tiền. B gặp chị M và thỏa thuận việc rút số tiền 9.000.000 đồng bằng hình thức B chuyển khoản cho chị M rồi chị M đưa tiền mặt cho B. Chị M bảo B quét mã QR để chuyển tiền từ tài khoản của B vào tài khoản của anh M (anh M là chồng chị M), khi nào tài khoản ngân hàng của anh M có tiền thì chị sẽ đưa tiền mặt cho B. Lúc này, trong tài khoản ngân hàng của B mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng Vietcombank) có số tiền 9.303.664 đồng. B dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng có tải ứng dụng của Ngân hàng Vietcombank sử dụng số tài khoản 0731000779671 rồi thực hiện thao tác chuyển số tiền 9.000.000 đồng vào số tài khoản số 1022627727 của anh M. Sau khi chuyển tiền xong, B chụp hình màn hình nội dung giao dịch chuyển tiền rồi đưa điện thoại cho chị M xem giao dịch chuyển tiền đã thành công. Chị M xem thấy giao dịch chuyển tiền thành công nên đã lấy số tiền 9.000.000 đồng đưa cho B và B trả chị M số tiền 30.000 đồng tiền phí rút tiền rồi đi về phòng trọ. Khi về phòng trọ, B gặp anh La Văn S- sinh năm 1992 ở thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang là bạn cùng khu nhà trọ với B và rủ nhau đi uống nước. Anh S điều khiển xe mô tô chở B đi ra tổ dân phố M, thị trấn N, huyện V để uống nước. Trên đường đi, B nghĩ lúc giao dịch chuyển tiền tại quán của chị M thì chị M chỉ xem qua nội dung chuyển khoản thành công qua màn hình điện thoại mà không kiểm tra lại số tài khoản của anh M đã nhận được tiền hay chưa; do lần giao dịch trước đó B đã chụp lại màn hình giao dịch chuyển tiền thành công đến số tài khoản của anh M lưu trong điện thoại di động của mình nên B đã nảy sinh ý định quay lại cửa hàng của chị M để chiếm đoạt tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, B chỉ đường cho anh S điều khiển xe mô tô chở đến cửa hàng của chị M để rút tiền (Trên đường đi, B không nói gì cho anh S biết về việc B định lừa rút tiền của chị M). Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2022, khi đến cửa hàng của chị M, anh S đứng bên ngoài chờ, B vào trong cửa hàng gặp chị M và bảo chị M cho rút số tiền 9.000.000 đồng. Chị M nhận ra B là người vừa đến rút tiền lúc trước nên chị M đã tin tưởng, đồng ý và bảo B chuyển tiền vào số tài khoản của anh M như lần giao dịch trước. Thấy chị M nói vậy, B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng giả vờ thực hiện thao tác chuyển tiền cho anh M nhưng thực tế B không chuyển vì lúc này trong tài khoản của B chỉ còn số tiền khoảng hơn 300.000 đồng. Một lúc sau, B cầm điện thoại màn hình có hình ảnh giao dịch thành công của lần chuyển tiền lúc trước cho chị M xem. Chị M nhìn thấy có hình ảnh giao dịch thành công đến số tài khoản của anh M với số tiền 9.000.000 đồng nên đã tin tưởng và lấy tiền đưa cho B. Do lúc này không

đủ tiền mặt nên chị M đưa trước cho B số tiền 4.000.000 đồng và gọi anh M về lấy 5.000.000 đồng đưa nốt cho B. B nhận đủ số tiền 9.000.000 đồng và trả cho chị M số tiền 30.000 đồng tiền phí rút tiền, rồi B đi ra ngoài bảo anh S đi uống nước rồi về ngủ.

Sau khi B đi khỏi cửa hàng, chị M có nói với anh M về việc B đến rút 02 lần tiền, mỗi lần 9.000.000 đồng. Anh M kiểm tra tài khoản thì chỉ thấy B chuyển tiền một lần với số tiền 9.000.000 đồng, ngoài ra không còn lần nào khác. Biết đã bị B lừa đảo chiếm đoạt tiền nên ngày 14/02/2022, anh M đã làm đơn trình báo đến Công an xã T, huyện V đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Do biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 14/02/2022, B đến Công an xã T, huyện V đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và giao nộp: 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM đều mang tên Trương Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng và số tiền 9.000.000 đồng đã chiếm đoạt của anh M, chị M. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu hình sự nên Công an xã T đã chuyển đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Việt Yên để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 15/02/2022, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho chị Đinh Thị M và anh Hoàng Hữu M nhận dạng đối với Trương Văn B. Kết quả chị M và anh M đã nhận ra B là người đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng của mình vào ngày 13/02/2022.

Ngày 15/02/2022, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng của Trương Văn B. Kết quả kiểm tra phát hiện trong phần ứng dụng Ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0731000779671 mang tên Trương Văn B có số dư khả dụng là 303.664 đồng; ngày 13/02/2022 có một mã chuyển khoản số tiền 9.000.000 đồng vào số tài khoản 1022627727 của anh M. Kiểm tra điện thoại của anh Hoàng Hữu M thấy vào lúc 19 giờ 27 phút ngày 13/02/2022 có nội dung Trương Văn B chuyển đến số tiền 9.000.000 đồng.

Ngày 15/02/2022, Cơ quan điều tra tiến hành trích xuất dữ liệu camera an ninh tại cửa hàng tạp hóa của anh Hoàng Hữu M thu giữ 01 đoạn video clip ghi lại hình ảnh Trương Văn B đến rút tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho B xem lại nội dung đoạn video này và xác định hình ảnh người thanh niên trong đoạn video clip chính là B; Cơ quan điều tra đã chụp ảnh, in hình ảnh ra giấy A4 cho B ký xác nhận.

Ngày 16/02/2022, anh La Văn S đã tự nguyện giao nộp: 01 chiếc áo khoác màu xám có mũ kèm theo; 01 chiếc quần màu đen- xám, trên quần có nhiều vị trí rách. Đây là quần áo Trương Văn B mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với anh La Văn S là người điều khiển xe mô tô đưa B đi rút tiền ngày 13/02/2022; quá trình điều tra xác định anh S không biết, không được bàn bạc

trước việc B lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng chị M; không được B chia tiền chiếm đoạt nên anh S không vi phạm pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 92A/CT-VKS ngày 20/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Trương Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Trương Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trương Văn B, sau khi phân tích tính chất và các tình tiết của vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174, các điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Văn B từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị giải quyết.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Các khoản 1, 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng; Trả lại cho bị cáo Trương Văn B 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM mang tên Trương Văn B; 01 chiếc áo khoác màu xám có mũ kèm theo; 01 chiếc quần màu đen-xám, trên quần có nhiều vị trí rách.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về án phí.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn B tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2022, tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Trương Văn B đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối (giả vờ chuyển tiền vào tài khoản nhưng thực tế không chuyển mà sử dụng hình ảnh chụp màn hình điện thoại của lần giao dịch trước đó) để chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng của vợ chồng chị Đinh Thị M- sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo Trương Văn B có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản 9.000.000 đồng của người khác nên hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, vi phạm vào Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo Trương Văn B có nhân thân tốt vì ngoài lần phạm tội này, bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Trương Văn B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú; đã tự nguyện nộp lại số tiền chiếm đoạt để khắc phục hậu quả và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Văn B không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vào nhân thân của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, tội phạm ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, có nơi ở rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 18/02/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 9.000.000đ cho chị Đinh Thị M, chị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM mang tên Trương Văn B; 01 chiếc áo khoác màu xám có mũ kèm theo; 01 chiếc quần màu đen-xám, trên quần có nhiều vị trí rách không dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng là của bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 174, các điểm b, i, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn B 08 (Tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/6/2022).

Giao bị cáo Trương Văn B cho UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Nếu trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu trắng có số Imei: 355691075354164.

Trả lại cho bị cáo Trương Văn B 01 chứng minh nhân dân số 121865070; 01 thẻ ATM mang tên Trương Văn B; 01 chiếc áo khoác màu xám có mũ kèm theo; 01 chiếc quần màu đen-xám, trên quần có nhiều vị trí rách.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Bị cáo Trương Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an, Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo;
- Bị hại, ĐS vắng mặt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Ngô Quang Dũng**



